

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **892** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **24** tháng **9** năm **2012**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102- SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hội thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2011 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCPCP, T.

KT, BỘ TRƯỞNG
Ô THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT BIỂN VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 892 /QĐ -BNV
ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH,
VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam.
2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Vietnam Marine Science & Technology Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VIMASTA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của các cá nhân, tổ chức Việt Nam đã và đang hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, phổ biến, ứng dụng, quản lý, kinh doanh trong các lĩnh vực có liên quan đến biển, khoa học kỹ thuật biển để thúc đẩy sự phát triển khoa học kỹ thuật biển Việt Nam.

2. Mục đích của Hội là tập hợp hội viên để đẩy mạnh nghiên cứu, cùng nhau trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghề nghiệp, đào tạo, phổ biến, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào việc khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường biển, góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính, tuân thủ quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật về lĩnh vực Hội hoạt động.

3. Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, tài khoản và cơ quan ngôn luận riêng. Trụ sở chính của Hội đặt tại Hà Nội. Tùy theo yêu cầu công việc thực tế, Hội có thể thành lập văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

4. Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam là thành viên của Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, động viên tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của hội viên nhằm thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật biển; sử dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật biển phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên trong hoạt động khoa học kỹ thuật biển theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phổ biến kiến thức, cập nhật thông tin về biển, khoa học kỹ thuật và bảo vệ môi trường biển cho hội viên và đông đảo nhân dân, góp phần xây dựng xã hội học tập; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và kinh tế biển.

3. Cùng nhau trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, có hiệu quả cao vào việc khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

4. Động viên sự nhiệt tình và khả năng sáng tạo của hội viên trong nghiên cứu những phương pháp mới, kỹ thuật công nghệ mới nhằm đưa vào khai thác, sử dụng và bảo vệ biển có hiệu quả cao, phù hợp với các giai đoạn phát triển của đất nước.

5. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những chính sách, luật pháp, biện pháp trong việc phát triển khoa học kỹ thuật kinh tế và bảo vệ môi trường biển. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chủ trương, chính sách, văn bản pháp lý và những vấn đề liên quan đến lĩnh vực khoa học kỹ thuật - công nghệ và kinh tế biển khi được yêu cầu.

6. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia trong nước và quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động trên biển theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền mục đích của Hội.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

5. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

6. Thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động của Hội và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động; cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 6. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về hội và các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học kỹ thuật biển.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: Tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội; lập văn phòng đại diện ở các địa phương khác; thành lập các pháp nhân trực thuộc Hội.

4. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hội và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

5. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

7. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 8 và Khoản 9, Điều 5 của Điều lệ Hội không được chia cho hội viên theo quy định của pháp luật.

8. Chấp hành quy định của pháp luật về việc sử dụng các nguồn kinh phí có được. Hàng năm, Hội gửi báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên

1. Hội viên chính thức: Hội Khoa học kỹ thuật Biển các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và phê duyệt Điều lệ hoạt động theo quy định của pháp luật; các tổ chức pháp nhân, các cá nhân Việt Nam hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, phổ biến, ứng dụng, quản lý, kinh doanh trong các lĩnh vực có liên quan đến biển, khoa học kỹ thuật về biển tán thành Điều lệ Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định kết nạp.

2. Hội viên liên kết: Các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp liên doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) đang hoạt động, sản xuất, kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

3. Hội viên danh dự: Các công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, có đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng không có điều kiện trực tiếp tham gia hoạt động Hội với tư cách là hội viên chính thức, nêu tán thành Điều lệ Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam công nhận là hội viên danh dự.

Điều 8. Quyền lợi của hội viên

1. Hội viên cá nhân:

a) Được tham gia mọi sinh hoạt của Hội, thảo luận, biểu quyết mọi mặt công tác của Hội, được bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành của Hội;

b) Kiến nghị với Hội và các tổ chức của Hội để được giúp đỡ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khoa học công nghệ biển, được Hội tạo điều kiện đưa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ biển, các sáng chế, phát minh vào sản xuất và đời sống. Ưu tiên công bố các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong các tạp chí, ấn phẩm của Hội;

c) Được cung cấp thông tin thường xuyên về các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ biển, tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ trao đổi với các tổ chức, cá nhân làm khoa học công nghệ biển ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng về khoa học kỹ thuật và công nghệ biển;

d) Được cấp Thẻ "Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam" và sử dụng Thẻ này khi tham gia các sinh hoạt và hoạt động của Hội;

đ) Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp trong hoạt động phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội;

e) Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội. Trong trường hợp này, hội viên cần thông báo chính thức bằng văn bản cho Hội hoặc tổ chức trực thuộc nơi tham gia sinh hoạt Hội trước 01 (một) tháng và phải nộp lại Thẻ Hội viên.

2. Hội viên tổ chức:

a) Được tham gia sinh hoạt, thảo luận và biểu quyết mọi công việc chung của Hội;

b) Cử đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội;

c) Được cấp Giấy chứng nhận "Hội viên tập thể của Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam" và được tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động nghề nghiệp và được hưởng các quyền lợi khác do Hội quy định.

3. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động Hội và chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được Hội phân công.

2. Thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền, phát triển hội viên mới.
3. Bảo vệ uy tín, danh dự của Hội.
4. Đóng hội phí đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC CỦA HỘI**

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Ban Kiểm tra Hội.
5. Văn phòng Hội.
6. Các ban chuyên môn Hội.
7. Câu lạc bộ, chi hội trực thuộc.
8. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.
9. Tạp chí Biển Việt Nam.

Điều 11. Đại hội đại biểu toàn quốc và Đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi tắt là Đại hội), nhiệm kỳ 5 (năm) năm họp một lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Đại hội được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội đương nhiệm quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội:

- a) Thảo luận, thông qua báo cáo hoạt động của Hội nhiệm kỳ qua và định hướng phát triển, phương hướng hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới;
- b) Xem xét và thông qua báo cáo tài chính của Hội nhiệm kỳ qua và dự toán định hướng hoạt động tài chính của Hội nhiệm kỳ tới;
- c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);
- d) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- đ) Quyết định việc chia, tách; giải thể; đổi tên và gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 12. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra, là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

2. Ủy viên Ban Chấp hành có thể được bầu bổ sung hoặc thay thế trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội khi được trên 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung không được quá 1/5 (một phần năm) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ mỗi năm 01 (một) lần.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành và Điều lệ của Hội. Xây dựng và tổ chức chương trình hành động hàng năm và cả nhiệm kỳ theo nghị quyết Đại hội;

b) Tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội; quyết định triệu tập và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc, Đại hội bất thường như: Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội; thành phần tham dự Đại hội, chương trình, nội dung, tài liệu và công tác hậu cần khác;

c) Tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị cho Hội nghị hàng năm của Hội như: Thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị; chương trình, nội dung, tài liệu, hậu cần phục vụ hội nghị;

d) Quyết định nội dung quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội;

đ) Quyết định số lượng và bầu Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, các ủy viên Thường vụ Hội và Trưởng các ban chuyên môn của Hội từ các ủy viên Ban Chấp hành Hội;

e) Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các ban chuyên môn của Hội, quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định bãi miễn các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội và Trưởng các ban chuyên môn Hội;

h) Quyết định việc thành lập và giải thể các chi hội trực thuộc;

i) Quyết định việc thành lập và giải thể văn phòng đại diện, các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc làm việc của Ban Chấp hành Hội:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số;

b) Ban Chấp hành Hội ban hành các quyết định và nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành Hội được xem là hợp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hội tham dự;

d) Mọi biểu quyết trong Ban Chấp hành theo nguyên tắc quá bán, thiếu số phục tùng đa số. Trong trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì cuộc họp. Hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội quyết định.

Điều 13. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm. Số lượng, hình thức bầu Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

2. Ban Thường vụ họp định kỳ mỗi năm 02 (hai) lần; khi cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ có thể họp bất thường để giải quyết các công việc quan trọng cấp bách, phát sinh.

3. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai các nghị quyết của Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành Hội và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động, nhân sự của Văn phòng Hội và các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội. Thông qua quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức danh chủ chốt của Văn phòng, ban chuyên môn và Giám đốc các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội;

c) Quyết định việc cấp, phát và quản lý Thẻ Hội viên; xem xét đơn xin gia nhập Hội của các công dân, tổ chức, doanh nghiệp để kết nạp làm hội viên chính thức và công nhận hội viên liên kết, hội viên danh dự hoặc xóa tên hội viên;

d) Quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 14. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các uỷ viên Ban Thường vụ của Hội, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội; điều hành việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

b) Đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại trong và ngoài nước về các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật; ký các văn bản giao dịch đối ngoại của Hội, các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Ký quyết định thành lập và giải thể các tổ chức trực thuộc Hội; bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu các tổ chức có tư cách pháp nhân do Hội thành lập và các ban chuyên môn của Hội;

d) Là chủ tài khoản của Hội. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ và toàn thể hội viên về mọi hoạt động của Hội.

2. Khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch trong thời gian uỷ quyền.

Điều 15. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách một số mặt hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội về các mảng công việc được phân công. Trong trường hợp được Chủ tịch Hội uỷ quyền thì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Chấp hành về các công việc được uỷ quyền.

2. Số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

Điều 16. Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động Văn phòng Hội.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ:

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại và ký các văn bản giao dịch của Hội;

b) Giúp Ban Thường vụ Hội xem xét và quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội, góp phần đẩy mạnh hoạt động Hội theo quy định của Ban Thường vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội;

c) Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội; định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Hội. Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành; quản lý tài sản, tài chính của Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Văn phòng Hội;

d) Là chủ tài khoản uỷ quyền của Hội, ký phê duyệt các khoản chi cho hoạt động của Văn phòng, của các dự án, các hoạt động khác do Hội tổ chức thực hiện.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra gồm có Trưởng ban, Phó ban và các ủy viên. Số lượng ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

2. Ban Kiểm tra có các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, các quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các chủ trương và chương trình công tác của Hội; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội;

b) Kiểm tra tư cách hội viên và việc tham gia các hoạt động của Hội để báo cáo Ban Chấp hành xem xét, đề xuất với Ban Thường vụ quyết định khen thưởng hoặc xử lý, kỷ luật đối với những hội viên vi phạm;

c) Xem xét và đề xuất giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và những vấn đề có liên quan đến Hội, hội viên, tổ chức pháp nhân trực thuộc theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra những vấn đề do hội viên, các câu lạc bộ, chi hội trực thuộc do các cơ quan chức năng nhà nước yêu cầu. Kết luận các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ, các chi hội trực thuộc và Đại hội đại biểu toàn quốc.

3. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các tổ chức pháp nhân trực thuộc, các cơ sở của Hội cung cấp thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra của Ban.

Điều 18. Chi hội trực thuộc

1. Ở các cơ quan, tổ chức có nhiều cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật công nghệ biển có nguyện vọng trở thành hội viên của Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam có thể thành lập các chi hội không có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội. Mỗi chi hội phải có ít nhất từ 10 (mười) hội viên chính thức trở lên. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập chi hội trực thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Đại hội toàn thể hội viên của chi hội họp định kỳ 05 (năm) năm một lần, có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Chấp hành chi hội;

- b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác của chi hội;
- c) Bầu Chi hội trưởng và Chi hội phó;
- d) Cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

3. Chi hội có nhiệm vụ:

- a) Chỉ đạo và phối hợp các hoạt động để thực hiện Điều lệ Hội, quy định, quyết định của Hội và chi hội;
- b) Tuyên truyền phát triển hội viên mới và mở rộng uy tín của Hội;
- c) Tổ chức các buổi sinh hoạt, trao đổi, học tập, tham quan cho các hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;
- d) Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ với Hội theo quy định của Ban Thường vụ Hội.

4. Các chi hội được Hội giúp đỡ để tham gia, phối hợp hoạt động với các tổ chức pháp nhân hoạt động liên quan đến khoa học kỹ thuật, kinh tế biển trực thuộc Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và quy định pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ khác của Hội liên quan đến chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Hoạt động của Hội không có hiệu quả, không hoạt động liên tục trong 12 (mười hai) tháng, không mang lại lợi ích cho hội viên hoặc gây phiền hà, cản trở cho hội viên thì Hội xem xét, tự giải thể. Việc tự giải thể Hội do Đại hội thông qua theo đề nghị của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;
- b) Theo đề nghị của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên của Hội;
- c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Hội và việc giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 21. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: Tài sản tự có của Hội, tài sản do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ, tài sản thuê (nếu có). Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả. Trường hợp tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý để Ban Thường vụ Hội quyết định.

Điều 22. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí của hội viên (mức thu hội phí hàng năm của hội viên do Ban Chấp hành Hội quy định).

2. Thu từ việc thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội chủ trì.

3. Thu từ các nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Thu từ các hoạt động hợp tác, phối hợp, liên kết với các tổ chức, đơn vị khác ngoài Hội.

5. Thu từ các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo (nếu có).

6. Thu từ đóng góp của các tổ chức pháp nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 23. Các khoản chi của Hội

1. Chi hoạt động thường xuyên của Hội.

2. Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị và thuê trụ sở, văn phòng Hội.

3. Chi cho các đề tài nghiên cứu (nếu có và được duyệt).

4. Chi cho các hoạt động do Hội chủ trì hoặc tham gia chủ trì như hội nghị, hội thảo, in ấn, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn nghiệp vụ.

5. Chi phụ cấp lương, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Hội.

6. Chi cho hoạt động hợp tác quốc tế.

7. Chi khen thưởng hàng năm, đột xuất và các khoản chi khác theo quy chế tài chính của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ cho hoạt động của các chi hội, câu lạc bộ trực thuộc (trong điều kiện kinh phí cho phép).

9. Các khoản chi khác để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 24. Năm tài chính của Hội

1. Năm tài chính của Hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam quy định cụ thể những nguyên tắc cơ bản về quản lý và sử dụng tài chính của Hội. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ xây dựng, ban hành quy chế tài chính của Hội đảm bảo tuân thủ các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước trình Chủ tịch Hội xem xét, quyết định phê duyệt.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Các tổ chức, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ biển sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật. Các công trình nghiên cứu, ứng dụng, các phát minh sáng kiến xuất sắc sẽ được Hội đề nghị lên Hội đồng khen thưởng của Nhà nước xác nhận, khen thưởng và được ưu tiên đăng trên tạp chí của Hội.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế về khen thưởng và quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn khen thưởng hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân hội viên hoạt động vi phạm một trong những quy định sau đây thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật với các hình thức từ phê bình, khiển trách, cảnh cáo và khai trừ, xóa tên khỏi danh sách hội viên của Hội:

a) Vi phạm Điều lệ Hội;

b) Làm ảnh hưởng tới danh dự, uy tín, lợi ích của Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất, tài sản và tài chính của Hội thì ngoài việc áp dụng các hình thức kỷ luật nêu trên còn phải bồi hoàn theo quy định của pháp luật;

c) Hội viên vi phạm pháp luật, bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc bị chết;

d) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động hoặc tuyên bố phá sản;

đ) Hội viên không tham gia sinh hoạt Hội trong 3 (ba) kỳ được triệu tập liên tiếp, không đóng hội phí trong thời gian từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế kỷ luật và quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kỷ luật trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ của Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam gồm có 8 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hội thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2011 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học kỹ thuật Biển Việt Nam có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.